

BIỂU TỔNG HỢP BỔ SUNG KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025; HỖ TRỢ BẢO VỆ PHÁT TRIỂN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2025,

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28 /7 /2025 của HĐND phường Tân Phong)

DVT: Đồng

Stt	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	16.534.640.000	
1	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2025	3.428.000.000	<i>Chi tiết theo Biểu số 02</i>
	- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	450.000.000	
	- Phòng Văn hoá - Xã hội	1.805.000.000	
	- Trường PTDTBT TH&THCS Nùng Nàng	973.000.000	
	- Văn phòng HĐND-UBND	100.000.000	
	- UBMTTQ Việt Nam phường Tân Phong	100.000.000	
2	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách do sắp xếp tổ chức, bộ máy theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025 của Chính phủ	12.253.640.000	<i>Chi tiết theo Biểu số 03</i>
	- Văn phòng HĐND- UBND	12.253.640.000	
3	Kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa năm 2025	853.000.000	
	- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	853.000.000	

BIỂU GIAO CHI TIẾT NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BẢO DTTS VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28 /7 /2025 của HĐND phường Tân Phong)

DVT: Đồng

Stt	Nội dung	Số giao dự toán						Ghi chú
		Tổng cộng	Trường PTDTBT TH&THCS Nùng Nang	Phòng Văn hoá - Xã hội	Ủy ban MTTQ Việt Nam phường Tân Phong	Văn phòng HĐND-UBND	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
	Tổng số	3.428.000.000	973.000.000	1.805.000.000	100.000.000	100.000.000	450.000.000	
1	Dự án 4 (Tiểu dự án 1): Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS và miền núi	450.000.000					450.000.000	
2	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	2.618.000.000	973.000.000	1.645.000.000			-	
-	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	973.000.000	973.000.000					
-	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS và miền núi	245.000.000		245.000.000				
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	1.400.000.000		1.400.000.000				
3	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	100.000.000			100.000.000			
4	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	50.000.000				50.000.000		
-	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	50.000.000				50.000.000		
5	Dự án 10: Truyền thông tuyên truyền vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Kiểm tra giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình	210.000.000		160.000.000		50.000.000		
-	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	50.000.000				50.000.000		
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín			150.000.000				
	Tiểu dự án 3 kiểm tra, giám sát đánh giá tổ chức thực hiện chương trình			10.000.000				

**BIỂU CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH DO SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỘ MÁY
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 178/2024/NĐ-CP NGÀY 31/12/2024, NGHỊ ĐỊNH SỐ 67/2025/NĐ-CP
NGÀY 15/3/2025 CỦA CHÍNH PHỦ**

(Kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 28 /7 /2025 của HĐND phường Tân Phong)

DVT: Đồng

Stt	Họ và tên	Đơn vị công tác, địa bàn xã phường trước sáp nhập, giải thể	Số tiền được hưởng chế độ, chính sách	Ghi chú
	TỔNG CỘNG		12.253.640.000	
1	Phạm Cao Thắng	Chủ tịch Hội nông dân phường Tân Phong	697.942.000	Thôi việc
2	Phạm Quang Đại	Phó Chủ tịch HĐND xã San Thành	1.032.525.000	Nghỉ hưu
3	Nguyễn Văn Tiến	Công chức Văn hóa - xã hội phường Đông phong	1.181.664.000	Nghỉ hưu
4	Tòng Thị Phụng	Chủ tịch Hội LH phụ nữ phường Tân Phong	989.952.000	Thôi việc
5	Ma Cang Dinh	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐND xã Nùng Nàng	1.016.409.000	Thôi việc
6	Vàng A Súa	Chủ tịch UBND xã Nùng Nàng	691.580.000	Thôi việc
7	Ma A Phử	Chủ tịch Hội ND xã Nùng Nàng	525.842.000	Thôi việc
8	Ma A Sà	Chủ tịch Hội CCB xã Nùng Nàng	480.695.000	Thôi việc
9	Giàng Văn Dìn	Chủ tịch Ủy ban MTTQ xã Bản Giang	1.059.889.000	Thôi việc
10	Vũ Thị Nga	Công chức Văn phòng - thống kê xã Nùng Nàng	714.593.000	Thôi việc
11	Vàng A Nhà	Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã Nùng Nàng	598.894.000	Thôi việc
12	Hằng A Kỳ	Chỉ huy trưởng Ban CH QS xã Nùng Nàng	814.771.000	Thôi việc
13	Vương Thị Viện	Công chức Tài chính kế toán xã Bản Giang	945.331.000	Thôi việc
14	Chèo U San	Công chức địa chính nông nghiệp xã Bản Giang	859.117.000	Thôi việc
15	Phàn A Dao	Công chức Tư pháp hộ tịch xã Bản Giang	644.436.000	Thôi việc

